

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hà Nội - Tháng 03 năm 2022



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 -11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 55

## **TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

Ông Bùi Hồng Minh  
Ông Phạm Văn Nhận  
Ông Lê Nam Khánh  
Ông Phạm Đức Cường

Chủ tịch (chuyển công tác từ ngày 01/6/2021)  
Phụ trách HĐQT từ ngày 18/6/2021  
Thành viên  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/5/2021)

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Lê Nam Khánh  
Ông Đinh Quang Dũng  
Ông Lê Hữu Hà

Tổng giám đốc  
Phó Tổng giám đốc  
Phó Tổng giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Lê Nam Khánh  
Phó Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Số: 106 /2022/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Hội đồng thành viên**  
**Ban Tổng giám đốc**  
**Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 55 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long ("Vicem Hạ Long"), một công ty con của Tổng công ty, đã ghi giảm trừ chi phí tài chính đối với các khoản phạt chậm trả phí bảo lãnh của khoản vay từ Ngân hàng Natixis, phạt chậm trả gốc vay và lãi của khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính, phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay của khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với tổng số tiền là 6.353.164 EUR lũy kế đến thời điểm ngày 31/8/2017 (tương đương với 173 tỷ đồng). Đồng thời, Vicem Hạ Long cũng không ghi nhận các khoản phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay phát sinh từ các khoản vay nêu trên và chi phí lãi vay cho khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính kể từ ngày 01/9/2017.

Ngoài ra, tại ngày 31/12/2021, Vicem Hạ Long đang trình bày số dư gốc vay của các khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với giá trị lần lượt là 2.063.822,21 EUR (khoảng 54,78 tỷ đồng) và 4.120.072,81 EUR (khoảng 109,36 tỷ đồng) từ khoản mục vay ngắn hạn sang khoản mục vay dài hạn (tại ngày 01/01/2021 lần lượt là 6.563.822,21 EUR và 5.768.101,91 EUR) (Thuyết minh số 24); phân loại số dư lãi vay, phí cho vay của các khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với giá trị lần lượt là 4.575.449,35 EUR (khoảng 121,45 tỷ đồng) và 466.203,83 EUR (khoảng 12,37 tỷ đồng) từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục phải trả dài hạn khác (tại ngày 01/01/2021 lần lượt là 4.575.449,35 EUR và 336.096,40 EUR) (Thuyết minh số 21).



Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Vicem Hạ Long vẫn đang trong quá trình phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước về phương án tái cơ cấu nợ Dự án Xi măng Hạ Long. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu việc xử lý kế toán đối với các nội dung nêu trên có phù hợp hay không và xác định các ảnh hưởng, nếu có, đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 21 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Vicem Hạ Long đã không ghi nhận các khoản lãi phạt chậm trả đối với các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khu vực Đông Bắc lũy kế đến ngày 31/12/2015 với tổng số tiền là 74,5 tỷ đồng. Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 24, công ty này cũng đã không ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh kể từ ngày 01/01/2016 đối với khoản vay từ Tổng công ty Sông Đà. Đến thời điểm hiện tại, Vicem Hạ Long đang chờ các văn bản trả lời chính thức từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Tổng công ty Sông Đà về việc không phải trả các khoản lãi và lãi phạt này.



**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**Đoàn Thu Hằng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2018-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Mẫu số B01 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.401.472.081.920</b>	<b>8.972.801.993.937</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.064.744.501.605</b>	<b>2.454.135.899.100</b>
1. Tiền	111		1.229.831.528.291	1.454.842.746.741
2. Các khoản tương đương tiền	112		834.912.973.314	999.293.152.359
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.898.372.263.255</b>	<b>1.692.805.773.193</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	804.151
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.898.372.263.255	1.692.804.969.042
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.277.779.896.870</b>	<b>1.387.904.141.659</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	955.406.803.414	1.079.170.792.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	195.391.694.928	184.273.233.436
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	270.960.891.967	249.128.874.262
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(144.035.150.223)	(124.729.943.643)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		55.656.784	61.185.062
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>2.966.685.535.104</b>	<b>3.226.335.692.507</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.140.550.378.712	3.382.460.327.824
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(173.864.843.608)	(156.124.635.317)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>193.889.885.086</b>	<b>211.620.487.478</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	95.289.914.665	77.896.441.120
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		83.945.819.939	106.075.254.178
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	14.654.150.482	27.648.792.180



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.243.437.599.510</b>	<b>31.054.651.401.923</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>113.870.444.457</b>	<b>104.519.636.523</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	118.731.987.611	109.381.179.677
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(4.861.543.154)	(4.861.543.154)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.805.320.892.248</b>	<b>22.502.684.972.599</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	20.304.780.362.210	22.006.260.014.405
- Nguyên giá	222		54.963.090.555.849	54.634.655.299.068
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.658.310.193.639)	(32.628.395.284.663)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		824.707.706	1.220.567.402
- Nguyên giá	225		2.375.158.182	2.375.158.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.550.450.476)	(1.154.590.780)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	499.715.822.332	495.204.390.792
- Nguyên giá	228		586.277.934.545	575.823.302.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(86.562.112.213)	(80.618.911.853)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>227.628.630.951</b>	<b>243.489.237.619</b>
- Nguyên giá	231		259.753.835.497	266.460.609.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(32.125.204.546)	(22.971.372.346)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.218.855.564.287</b>	<b>2.251.107.537.512</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.218.855.564.287	2.251.107.537.512
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.574.196.956.891</b>	<b>4.659.078.942.020</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.1	4.227.130.740.710	4.331.109.404.517
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.2	384.169.399.950	384.169.399.950
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17.2	(49.103.183.769)	(68.199.862.447)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		12.000.000.000	12.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.303.565.110.676</b>	<b>1.293.771.075.650</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	948.940.864.140	905.515.496.434
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	35.2	19.421.167.133	18.733.600.626
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		333.578.985.632	366.679.814.492
4. Lợi thế thương mại	269		1.624.093.771	2.842.164.098
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>37.644.909.681.430</b>	<b>40.027.453.395.860</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.649.667.282.429</b>	<b>18.120.053.004.704</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.551.482.484.026</b>	<b>15.137.423.958.806</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.548.091.919.900	3.718.660.300.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	406.087.989.207	357.484.466.331
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	353.084.052.737	311.922.955.823
4. Phải trả người lao động	314		622.447.982.823	506.064.264.535
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	340.264.678.774	381.840.424.062
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		139.287.161.198	106.986.412.891
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	784.127.026.134	629.665.006.656
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	7.037.903.482.643	8.873.191.805.148
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	2.154.710.279	4.296.663.882
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		318.033.480.331	247.311.658.488
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.098.184.798.403</b>	<b>2.982.629.045.898</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		46.075.913.712	47.316.880.641
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	170.674.452.166	297.939.972.045
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	1.102.051.756.136	1.825.551.535.906
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	35.2	693.791.181.079	731.556.611.959
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	85.591.495.310	75.231.045.347
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	5.033.000.000



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>21.995.242.399.001</b>	<b>21.907.400.391.156</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>21.991.527.852.030</b>	<b>21.901.321.274.716</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	25	1.057.364.895.697	1.057.364.895.697
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	25	(323.971.984.350)	(323.971.984.350)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	25	686.364.020.193	686.364.020.193
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	25	2.755.652.868.710	2.427.409.496.769
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.779.434.085	2.779.434.085
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	242.538.343.912	454.298.110.190
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		272.788.966.688	66.963.476.604
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(30.250.622.776)	387.334.633.586
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		59.716.459.877	59.789.812.452
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	2.477.098.401.497	2.503.302.077.271
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.714.546.971</b>	<b>6.079.116.440</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(1.088.270.166)	854.067.467
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.802.817.137	5.225.048.973
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>37.644.909.681.430</b>	<b>40.027.453.395.860</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập

Nguyễn Quang Tuấn

Kế toán trưởng

Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B02 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	27.772.009.553.574	28.029.993.269.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	852.099.528.411	927.732.117.228
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	26.919.910.025.163	27.102.261.151.897
4. Giá vốn hàng bán	11	29	23.293.498.078.268	22.840.779.470.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.626.411.946.895	4.261.481.681.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	244.410.419.802	126.765.025.984
7. Chi phí tài chính	22	31	461.243.834.813	799.529.046.196
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		423.237.357.297	628.883.369.447
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		172.323.745.015	457.186.579.056
9. Chi phí bán hàng	25	32	1.012.189.914.111	1.084.915.811.370
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.188.102.264.182	1.307.318.147.966
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.381.610.098.606	1.653.670.280.873
12. Thu nhập khác	31	33	85.603.431.514	52.751.218.687
13. Chi phí khác	32	34	67.821.649.581	67.498.734.490
14. Lợi nhuận khác	40		17.781.781.933	(14.747.515.803)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.399.391.880.539	1.638.922.765.070
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35.1	265.062.063.090	273.994.167.013
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35.2	(38.452.997.387)	(36.498.684.827)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.172.782.814.836	1.401.427.282.884
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.038.904.583.274	1.282.401.669.980
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		133.878.231.562	119.025.612.904

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập



Nguyễn Quang Tuấn

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B03 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.399.391.880.539	1.638.922.765.070
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.106.109.932.844	2.154.360.267.502
- Các khoản dự phòng	03	26.167.232.553	139.750.150.199
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(111.349.232.535)	110.273.690.343
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(302.873.725.856)	(579.549.913.131)
- Chi phí lãi vay	06	423.237.357.297	628.883.369.447
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	4.268.906.744
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.540.683.444.842	4.096.909.236.174
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	86.918.326.366	329.231.694.892
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	271.906.088.705	635.787.900.072
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(226.003.369.304)	(210.475.514.953)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(57.714.151.984)	55.188.890.722
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	804.151	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(348.502.683.056)	(609.609.369.906)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(262.098.731.682)	(316.320.275.202)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	20.513.204.342	29.438.780.929
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(264.564.705.457)	(325.204.375.522)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.761.138.226.923</b>	<b>3.684.946.967.206</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(188.255.792.685)	(659.124.441.443)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.792.769.916	9.824.531.177
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.326.035.130.613)	(1.580.837.792.336)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.145.636.267.708	604.395.124.537
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	374.714.859.174	369.591.679.700
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>26.852.973.500</b>	<b>(1.256.150.898.365)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B03 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	100.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	19.019.872.887.183	18.454.671.276.061
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.486.622.979.403)	(20.662.440.063.903)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(525.000.000)	(3.678.364.726)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(709.788.748.121)	(930.909.198.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.176.963.840.341)	(3.142.356.351.479)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(388.972.639.918)	(713.560.282.638)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.454.135.899.100	3.167.734.360.615
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(418.757.577)	(38.178.877)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.064.744.501.605	2.454.135.899.100

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập



Nguyễn Quang Tuấn

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/7/2011, đăng ký sửa đổi lần thứ năm ngày 14/4/2020.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2021 là 11.658 người (ngày 31/12/2020: 11.978 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị hành chính sự nghiệp, gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy Thành phố Hà Nội;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu Bê tông - Vật liệu Xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An;
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID);
- Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các công ty con do Tổng công ty góp vốn đầu tư trực tiếp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

STT	Công ty con	Tên viết tắt sử dụng trong báo cáo này	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch (i)	Vicem Hoàng Thạch	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng (i)	Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp (i)	Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,84%	79,98%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn (i)	Vicem Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,52%	79,52%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (i)	Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (i)	Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Vicem Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Vicem E&E	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than; rác, bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (ii)	Thương mại Xi măng	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (ii)	Coxiva	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (ii)	Thạch cao Xi măng	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (ii)	Vận tải Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (ii)	Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải
18.	Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	87,27%	87,27%	Đã hoàn thành giải thể năm 2021

(i): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, sáp nhập một số thương hiệu yếu vào thương hiệu mạnh như sau:

- Cơ cấu lại và sáp nhập thương hiệu Xi măng Sông Thao vào Xi măng Hải Phòng thông qua việc chuyển giao quyền đại diện phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng để quản lý và thực hiện hợp nhất thành thương hiệu "Vicem Hải Phòng".
- Cơ cấu lại và sáp nhập thương hiệu Xi măng Hải Vân vào Xi măng Hoàng Thạch thông qua việc chuyển giao quyền đại diện phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch để quản lý và thực hiện hợp nhất thành thương hiệu "Vicem Hoàng Thạch".



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Sáp nhập thương hiệu Xi măng Tam Điệp vào Xi măng Bim Sơn hợp nhất thành thương hiệu "Vicem Bim Sơn" theo quy định của pháp luật.

(ii): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Hiện tại, VICEM đang rà soát, cập nhật lại Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021-2025 để trình Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt. Về công tác cổ phần hóa, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 1501/BXD-QLDN ngày 06/05/2021 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị bổ sung VICEM vào danh mục doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2021-2025.

Ngoài các công ty con do Tổng công ty góp vốn đầu tư trực tiếp, VICEM có các công ty sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Quảng Ngãi	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem)	Hồ Chí Minh	49,10%	98,04%	Kinh doanh bất động sản

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chínfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Nam Định	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	49,00%	49,00%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i) Công ty góp vốn liên doanh của Tổng công ty.



## **TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(ii): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ (Tổng công ty) và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Tổng công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, một số công ty con của Tổng công ty bao gồm Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đang có số dư lỗ lũy kế và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn. Tổng nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của các công ty nêu trên tại thời điểm 31/12/2021 là khoảng 5.439,24 tỷ đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của các công ty này phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai và khả năng thu xếp nguồn tài chính phục vụ cho việc trả nợ. Các công ty con này đã xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cân đối nguồn trả nợ trong năm tài chính tiếp theo. Đồng



thời, Tổng công ty cũng có các phương án thu xếp nguồn tài chính để hỗ trợ các công ty con (khi cần thiết), theo đó Ban Tổng giám đốc đánh giá vấn đề này không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty.

#### **4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi, phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự dự phòng phải thu khó đòi.

##### ***Đầu tư vào công ty liên doanh***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty liên doanh).

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng mà trong đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Tổng công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.



Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư.

Khi phần sở hữu của Tổng công ty trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tổng công ty không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, Tổng công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

#### ***Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

#### **4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong



trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.8. Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đi thuê tài chính của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (công ty con của Tổng công ty) là phương tiện vận tải (ô tô) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 năm.



**4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất của Tổng công ty và các công ty con được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng các lô đất được giao theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được cấp phép. Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 8 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

**4.10. Bất động sản đầu tư và khấu hao**

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (công ty con của Tổng công ty) bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất (*)	
Nhà cửa, vật kiến trúc	42,5
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	10 - 15

(\*): Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower.

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị các khoản trả trước chi phí kiến thiết mỏ, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Chi phí kiến thiết mỏ bao gồm các khoản mục chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản mỏ khai thác nguyên liệu và thể hiện số dư chưa phân bổ hết cho sản lượng khai thác còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các mỏ đá vôi, sét.



**4.13. Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Tổng công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.14. Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phản công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và



- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.16. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **4.18. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	13.065.371.749	22.629.016.949
Tiền gửi ngân hàng	1.216.766.156.542	1.432.213.729.792
Các khoản tương đương tiền (*)	834.912.973.314	999.293.152.359
<b>Cộng</b>	<b>2.064.744.501.605</b>	<b>2.454.135.899.100</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.575.575.178</b>	<b>3.281.695.115</b>
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	2.899.497.115	2.153.595.121
Công ty Xi măng Nghi Sơn	1.342.000.000	627.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	59.056.209	173.702.329
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	62.074.702	147.271.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	139.198.015	122.501.462
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	73.749.137	57.625.203
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>950.831.228.236</b>	<b>1.075.889.097.427</b>
Công ty Cổ phần Siêu thị Vật liệu Xây dựng Thế giới nhà	67.766.989.890	93.302.980.670
Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước	85.655.037.500	116.987.562.500
Công ty TNHH Nguyên liệu Omanco Việt Nam	39.796.917.326	59.591.548.701
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	757.612.283.520	806.007.005.556
<b>Cộng</b>	<b>955.406.803.414</b>	<b>1.079.170.792.542</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	20.996.095.271	20.996.095.271
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	20.545.169.123
Công ty Cổ phần Lilama 10	25.007.640.000	7.640.000
Trả trước cho người bán khác	92.671.153.774	86.007.523.159
<b>Cộng</b>	<b>195.391.694.928</b>	<b>184.273.233.436</b>

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>(144.035.150.223)</b>	<b>(124.729.943.643)</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng	(131.888.051.369)	(108.712.965.280)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(11.345.103.976)	(13.283.882.792)
Dự phòng trả trước người bán	(801.994.878)	(2.733.095.571)
<b>Dài hạn</b>	<b>(4.861.543.154)</b>	<b>(4.861.543.154)</b>
Dự phòng phải thu dài hạn khác	(4.861.543.154)	(4.861.543.154)
<b>Cộng</b>	<b>(148.896.693.377)</b>	<b>(129.591.486.797)</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>270.960.891.967</b>	<b>(11.345.103.976)</b>	<b>249.128.874.262</b>	<b>(13.283.882.792)</b>
Tiền chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiền	53.574.127.500	-	53.574.127.500	-
Thủ Đức (i)				
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Xi măng	34.790.316.991	-	34.790.317.000	-
Hoàng Mai (ii)				
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	19.365.077.884	-	30.453.134.808	-
Phải thu về lãi tiền gửi	32.436.181.262	-	39.996.488.737	-
Phải thu khác	130.795.188.330	(11.345.103.976)	90.314.806.217	(13.283.882.792)
<b>Dài hạn</b>	<b>118.731.987.611</b>	<b>(4.861.543.154)</b>	<b>109.381.179.677</b>	<b>(4.861.543.154)</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	113.870.444.457	-	104.477.292.199	-
Phải thu dài hạn khác	4.861.543.154	(4.861.543.154)	4.903.887.478	(4.861.543.154)
<b>Cộng</b>	<b>389.692.879.578</b>	<b>(16.206.647.130)</b>	<b>358.510.053.939</b>	<b>(18.145.425.946)</b>

(i): Phản ánh khoản tạm ứng nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiền Thủ Đức (công trình của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ("Quyết định 86") ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị, khoản tiền này sẽ được hoàn trả lại theo Quyết định 86. Quyết định 86 đã được thay thế bằng Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2017.

(ii): Phản ánh số tiền bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai tại xã Quỳnh Vinh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đang triển khai các thủ tục để chuyển nhượng dự án này theo các quyết định của Tổng công ty Xi măng Việt Nam và Hội đồng quản trị Vicem Hoàng Mai.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	233.891.617	-	9.811.776.897	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.492.298.253.799	(78.330.018.007)	1.464.543.051.240	(47.372.585.463)
Công cụ, dụng cụ	182.482.669.208	(14.576.161.699)	221.437.153.595	(18.755.977.674)
Vật tư và phụ tùng, linh kiện thay thế	232.475.582.645	(58.965.361.419)	234.492.303.459	(48.940.573.497)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	434.963.417.911	(99.938.223)	595.407.505.317	(23.124.755.804)
Thành phẩm	547.896.528.224	(5.753.390.405)	562.929.603.046	(1.930.773.674)
Vật tư, công cụ dụng cụ và thiết bị phụ tùng chờ thanh lý	17.439.766.620	(16.139.973.855)	17.439.766.620	(15.999.969.205)
Bất động sản để bán (*)	6.353.956.990	-	87.454.454.864	-
Hàng hoá	195.956.162.613	-	159.221.538.804	-
Hàng gửi bán	30.450.149.085	-	29.723.173.982	-
<b>Cộng</b>	<b>3.140.550.378.712</b>	<b>(173.864.843.608)</b>	<b>3.382.460.327.824</b>	<b>(156.124.635.317)</b>

(\*): Bất động sản để bán bao gồm giá trị xây dựng và quyền sử dụng đất phân bổ cho hàng hóa bất động sản là các căn hộ thuộc dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội ("Dự án") của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2021	16.898.496.175.977	34.886.599.705.498	1.894.837.963.037	227.521.501.354	727.199.953.202	54.634.655.299.068
Mua trong năm	4.507.095.051	248.234.221.382	36.777.574.217	22.053.336.518	-	311.572.227.168
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	31.549.773.318	55.134.731.878	-	-	-	86.684.505.196
Thanh lý, nhượng bán	(4.160.588.945)	(44.930.360.614)	(19.902.050.693)	(179.399.120)	-	(69.172.399.372)
Tăng/Giảm khác	(231.393.999)	(305.150.712)	-	(29.590.000)	(82.941.500)	(649.076.211)
Tại ngày 31/12/2021	16.930.161.061.402	35.144.733.147.432	1.911.713.486.561	249.365.848.752	727.117.011.702	54.963.090.555.849
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2021	7.506.966.117.709	23.039.368.673.873	1.562.895.168.740	170.453.720.135	348.711.604.206	32.628.395.284.663
Khấu hao trong năm	509.080.789.192	1.477.589.973.702	62.097.365.244	19.950.563.626	26.037.322.539	2.094.756.014.303
Thanh lý, nhượng bán	(4.133.075.721)	(41.099.682.311)	(19.097.346.989)	(179.399.120)	-	(64.509.504.141)
Tăng/Giảm khác	(38.576.210)	(183.092.226)	-	(26.991.250)	(82.941.500)	(331.601.186)
Tại ngày 31/12/2021	8.011.875.254.970	24.475.675.873.038	1.605.895.186.995	190.197.893.391	374.665.985.245	34.658.310.193.639
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2021	9.391.530.058.268	11.847.231.031.625	331.942.794.297	57.067.781.219	378.488.348.996	22.006.260.014.405
Tại ngày 31/12/2021	8.918.285.806.432	10.669.057.274.394	305.818.299.566	59.167.955.361	352.451.026.457	20.304.780.362.210

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trong quá trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 11.856.648.764.709 đồng (tại ngày 31/12/2020 là: 11.508.562.591.668 đồng).

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất (*)</b>	<b>Bản quyền, bằng sáng chế</b>	<b>Nhãn hiệu hàng hóa</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2021	486.443.693.853	17.078.014.794	515.000.000	66.388.103.210	5.398.490.788	575.823.302.645
Mua trong năm	-	-	-	9.783.081.900	-	9.783.081.900
Thanh lý, nhượng bán	(250.000.000)	-	-	(258.450.000)	-	(508.450.000)
Giảm khác	-	-	-	1.180.000.000	-	1.180.000.000
Tại ngày 31/12/2021	486.193.693.853	17.078.014.794	515.000.000	77.092.735.110	5.398.490.788	586.277.934.545
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2021	8.130.432.491	16.857.693.994	515.000.000	53.680.881.516	1.434.903.852	80.618.911.853
Khấu hao trong năm	526.842.183	85.463.328	-	5.659.395.153	179.949.696	6.451.650.360
Thanh lý, nhượng bán	(250.000.000)	-	-	(258.450.000)	-	(508.450.000)
Tại ngày 31/12/2021	8.407.274.674	16.943.157.322	515.000.000	59.081.826.669	1.614.853.548	86.562.112.213
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2021	478.313.261.362	220.320.800	-	12.707.221.694	3.963.586.936	495.204.390.792
Tại ngày 31/12/2021	477.786.419.179	134.857.472	-	18.010.908.441	3.783.637.240	499.715.822.332

(\*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội với số tiền là 374.116.278.348 đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng cho mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cơ sở hạ tầng VND	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	154.534.095.709	59.846.190.802	52.080.323.454	266.460.609.965
Quyết toán dự án hoàn thành	(6.682.242.317)	(24.532.151)	-	(6.706.774.468)
Tại ngày 31/12/2021	147.851.853.392	59.821.658.651	52.080.323.454	259.753.835.497
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	9.954.054.419	13.017.317.927	-	22.971.372.346
Khấu hao trong năm	3.644.874.996	5.508.957.204	-	9.153.832.200
Tại ngày 31/12/2021	13.598.929.415	18.526.275.131	-	32.125.204.546
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	144.580.041.290	46.828.872.875	52.080.323.454	243.489.237.619
Tại ngày 31/12/2021	134.252.923.977	41.295.383.520	52.080.323.454	227.628.630.951

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được điều chỉnh giảm trong năm theo giá trị quyết toán Dự án đã được Hội đồng quản trị Công ty này phê duyệt.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Tên hạng mục/dự án/công trình	Chủ đầu tư	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM (i)	VICEM	773.954.381.368	773.954.381.368
Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy (ii)	VICEM	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án Nhà máy kết cấu bê tông - vật liệu xây dựng không nung (iii)	VICEM	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án Khu cảng Đông Hồi (iv)	VICEM	2.442.363.045	2.442.363.045
Mỏ đá vôi Áng Rong	Vicem Hoàng Thạch	70.608.778.376	70.608.778.376
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mỏ núi Han	Vicem Hoàng Thạch	26.348.085.870	26.348.085.870
Mỏ đá vôi Ngà Voi	Vicem Hải Phòng	-	61.223.191.415
Dự án đường B.O.T Phú Hữu (v)	Vicem Hà Tiên 1	545.682.112.559	548.379.812.948
Các dự án tại Bình Phước	Vicem Hà Tiên 1	264.720.221.051	264.754.878.171
Các dự án tại Kiên Lương	Vicem Hà Tiên 1	136.395.251.675	119.218.561.726
Dự án Kho nguyên liệu	Vicem Bỉm Sơn	47.024.023.169	-
Mỏ sét Ba Sao	Vicem Bút Sơn	79.591.084.009	79.591.084.009
Dự án Hoàng Mai II	Vicem Hoàng Mai	27.247.772.933	25.338.682.024
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	Vicem Hoàng Mai	21.858.500.330	21.858.500.330
Các dự án, công trình và chi phí xây dựng khác		117.163.671.463	151.569.899.791
<b>Cộng</b>		<b>2.218.855.564.287</b>	<b>2.251.107.537.512</b>

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010 của Hội đồng thành viên VICEM và được phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM và Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND Thành phố Hà Nội (điều chỉnh nội dung Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01121000884 do UBND Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010)



với tổng mức đầu tư là 2.743,76 tỷ đồng. Trên cơ sở đề nghị của VICEM, UBND Thành phố Hà Nội đã chấp nhận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020 tại Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM, với ý kiến chỉ đạo: (i) Hội đồng thành viên VICEM thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (Bộ Xây dựng đã có chỉ đạo tại văn bản số 783/BXD-QLDN ngày 16/4/2019, cụ thể: Bộ Xây dựng yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM rà soát, cập nhật phương án xử lý nhà, đất theo hình thức "Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất"); (ii) Hội đồng thành viên VICEM triển khai xây dựng và trình Bộ Xây dựng phương án chi tiết việc chuyển nhượng dự án này. Ngày 13/11/2019, VICEM có văn bản số 2221/VICEM-HĐTV trình Bộ Xây dựng thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 22/5/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM, theo đó tiếp tục thực hiện theo văn bản số 2221/VICEM-HĐTV ngày 13/11/2019 về thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với lô đất này.

Ngày 25/5/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 62/TB-BXD, theo đó yêu cầu VICEM rà soát lại toàn bộ các hợp đồng của dự án. Riêng đối với hợp đồng của Gói thầu số 23 đề nghị VICEM làm việc lại với nhà thầu trên nguyên tắc căn cứ hợp đồng ký kết giữa hai bên, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất và báo cáo Bộ Xây dựng hướng giải quyết. VICEM đã phối hợp làm việc với nhà thầu tìm hướng giải quyết tồn tại của Gói thầu số 23.

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM". Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, VICEM đang tiến hành rà soát, đánh giá, làm rõ để báo cáo Bộ Xây dựng theo yêu cầu tại văn bản số 5191/BXD-KHTC nêu trên.

- (ii) Dự án xây dựng Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012 của Hội đồng thành viên VICEM, với tổng mức đầu tư là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000. Theo đó, chức năng của 03 khu thuộc dự án đã thay đổi so với quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 và phương án kiến trúc sơ bộ đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội phê duyệt tại văn bản số 1980/QHKT-P2 ngày 17/6/2011.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo đúng quy định. Ngày 01/3/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 387/BXD-KHTC gửi Bộ Tài chính về việc thống nhất với đề xuất của VICEM và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xử lý, sắp xếp theo quy định. Bộ Tài chính đã tiến hành kiểm tra hiện trạng khu đất ngày 13/5/2019; sau đó đã có ý kiến tại văn bản số 15226/BTC-QLCS ngày 16/12/2019 và Bộ Xây dựng đã có ý kiến chỉ đạo VICEM tại văn bản số 25/BXD-KHTC ngày 03/01/2020 và văn bản số 30/TB-BXD ngày 10/3/2020. Ngày 22/5/2020, VICEM đã có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM đối với việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khu đất diện tích 52.083,3 m<sup>2</sup> tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, cụ thể: (i) Đối với diện tích đất 288,7 m<sup>2</sup>: phương



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý"; (ii) Đối với diện tích đất 17.381 m<sup>2</sup> (do Vicem Hoàng Thạch đang quản lý, sử dụng): giao cho Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch để thực hiện lập báo cáo khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa; (iii) Đối với phần diện tích đất còn lại (34.413,6 m<sup>2</sup>): phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Giữ lại tiếp tục sử dụng" để thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Vicem trên cơ sở kế thừa dự án Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy để điều chỉnh, thành lập Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Vicem theo Đề án tái cơ cấu VICEM, phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh được phép, phù hợp với quy hoạch của Thành phố Hà Nội và quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, VICEM đã có văn bản số 449/VICEM-HĐTV ngày 18/3/2022 báo cáo Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Khu đất tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội theo các nội dung yêu cầu của Bộ xây dựng tại văn bản số 5191/BXD-KHTC nêu trên.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng. Ngày 22/5/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM: Thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý đối với khu đất từ "Giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng ... để thực hiện dự án" thành "Chuyển nhượng dự án cho Vicem Hoàng Mai".

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, VICEM đã có văn bản số 449/VICEM-HĐTV ngày 18/3/2022 báo cáo Bộ Xây dựng đề nghị xem xét, chấp thuận chủ trương cho phép VICEM thực hiện như nội dung đã báo cáo tại văn bản số 1619/VICEM-HĐTV ngày 23/9/2021.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM do Hội đồng thành viên Tổng công ty ban hành ngày 04/4/2016, với tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng.

Tổng công ty đã có văn bản số 381/VICEM-QLĐTXD ngày 04/3/2019 đề nghị Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vicem Hoàng Mai có ý kiến để Vicem Hoàng Mai có văn bản gửi Tổng công ty về việc nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy KCBT-VLXD không nung Đông Hồi và Cảng VICEM tại Đông Hồi theo hình thức thỏa thuận trước ngày 15/3/2019, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý của bên nhận chuyển nhượng, tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng chuyển nhượng với Tổng công ty trước ngày 20/3/2019.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMHM báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty vẫn đang phối hợp, đơn đốc Vicem Hoàng Mai tiếp tục bám sát ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An để rà soát, triển khai dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi phù hợp quy hoạch đồng bộ với dự án Nhà máy Xi măng Hoàng Mai 2.

- (v) Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã thế chấp một phần của dự án cho các khoản vay của công ty này.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>95.289.914.665</b>	<b>77.896.441.120</b>
Công cụ, dụng cụ, vật liệu chịu mòn	44.807.574.811	42.532.496.217
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	35.484.936.079	22.541.393.426
Chi phí bảo hiểm phương tiện và tài sản cố định	6.593.197.243	6.028.837.158
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.404.206.532	6.793.714.319
<b>Dài hạn</b>	<b>948.940.864.140</b>	<b>905.515.496.434</b>
Chi phí kiến thiết mỏ, giải phóng mặt bằng	367.274.121.792	322.559.039.887
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	194.345.148.674	213.775.765.390
Công cụ, dụng cụ, vật liệu chịu mòn	148.133.769.581	179.964.046.877
Tiền thuê đất trả trước	41.009.290.334	42.021.985.021
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	75.875.749.415	37.427.953.304
Chi phí trả trước dài hạn khác	122.302.784.344	109.766.705.955
<b>Cộng</b>	<b>1.044.230.778.805</b>	<b>983.411.937.554</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	
				31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xi măng Chínfon	14,44%		194.035.068.000	258.540.579.727	258.535.274.475
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	35,00%		814.863.899.899	1.254.592.411.784	1.338.340.048.269
Công ty Xi măng Nghi Sơn	35,00%		872.610.611.500	2.413.969.354.392	2.423.294.843.314
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	48,17%	48,17%	36.611.500.000	147.030.333.533	157.254.700.479
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	48,99%	48,99%	14.754.500.000	26.617.013.973	27.761.288.295
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	34,29%	34,29%	22.634.323.995	37.661.850.395	36.232.880.241
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	49,00%	49,00%	18.620.000.000	47.275.349.566	47.447.650.976
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	27,76%	27,76%	4.441.000.000	21.669.525.602	22.224.278.240
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	38,45%	38,45%	15.380.500.000	19.774.321.738	20.018.440.228
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	24,00%	24,00%	12.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>			<b>2.005.951.403.394</b>	<b>4.227.130.740.710</b>	<b>4.331.109.404.517</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

	Công ty Xi măng Chinfon VND	Công ty TNHH Siam City VND	Công ty Xi măng Nghị Sơn VND	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô VND	Công ty CP Vicem Bao bì Hải Phòng VND
<b>Giá gốc</b>	<b>194.035.068.000</b>	<b>814.863.899.899</b>	<b>872.610.611.500</b>	<b>36.611.500.000</b>	<b>14.754.500.000</b>
<b>Lãi/lỗ lũy kế tại công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>64.500.206.475</b>	<b>523.476.148.370</b>	<b>1.550.684.231.814</b>	<b>120.643.200.479</b>	<b>13.006.788.295</b>
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	37.332.705.252	58.729.886.486	69.968.411.078	6.378.615.910	811.677.255
Cổ tức được chia	(37.327.400.000)	(142.477.522.971)	(79.293.900.000)	(10.983.450.000)	(1.180.360.000)
Phần phối các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(5.619.532.856)	(775.591.577)
<b>Số cuối năm</b>	<b>64.505.511.727</b>	<b>439.728.511.885</b>	<b>1.541.358.742.892</b>	<b>110.418.833.533</b>	<b>11.862.513.973</b>
<b>Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>258.535.274.475</b>	<b>1.338.340.048.269</b>	<b>2.423.294.843.314</b>	<b>157.254.700.479</b>	<b>27.761.288.295</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>258.540.579.727</b>	<b>1.254.592.411.784</b>	<b>2.413.969.354.392</b>	<b>147.030.333.533</b>	<b>26.617.013.973</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

	Công ty CP Vicem Bao bì Bút Sơn VND	Công ty CP Vicem Bao bì Bim Sơn VND	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch VND	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên VND	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>22.634.323.995</b>	<b>18.620.000.000</b>	<b>4.441.000.000</b>	<b>15.380.500.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
<b>Lãi/lỗ lũy kế tại công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>13.598.556.246</b>	<b>28.827.650.976</b>	<b>17.783.278.240</b>	<b>4.637.940.228</b>	<b>(12.000.000.000)</b>
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	3.567.921.664	2.092.257.696	610.474.552	2.695.660.861	-
Cổ tức được chia	(1.440.366.200)	(1.489.600.000)	(568.448.000)	(1.541.361.651)	-
Phân phối các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	(698.585.310)	(774.959.106)	(596.779.190)	(1.398.417.700)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.027.526.400</b>	<b>28.655.349.566</b>	<b>17.228.525.602</b>	<b>4.393.821.738</b>	<b>(12.000.000.000)</b>
<b>Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>36.232.880.241</b>	<b>47.447.650.976</b>	<b>22.224.278.240</b>	<b>20.018.440.228</b>	<b>-</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>37.661.850.395</b>	<b>47.275.349.566</b>	<b>21.669.525.602</b>	<b>19.774.321.738</b>	<b>-</b>

**17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

		31/12/2021		01/01/2021	
	Số cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tấm lợp VLXD Đồng Nai (*)	3.402.366	43.625.888.700	(32.704.293.840)	43.625.888.700	(41.040.090.540)
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (*)	10.034.732	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie (*)	9.600.000	96.000.000.000	(12.744.889.929)	96.000.000.000	(12.417.771.907)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie (*)	10.500.000	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (**)	2.310.000	42.000.000.000	(3.654.000.000)	42.000.000.000	(14.742.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>384.169.399.950</b>	<b>(49.103.183.769)</b>	<b>384.169.399.950</b>	<b>(68.199.862.447)</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(\*): Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các đơn vị này.

(\*\*): Là khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (công ty con của VICEM).

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hải Nam	46.316.714.824	620.784.676
Công ty TNHH Nam Phương	-	47.358.587.892
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thanh Trí	34.270.785.090	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại NCL	12.450.759.534	31.212.397.838
Công ty TNHH Nguyên liệu Omanco Việt Nam	20.358.406.139	-
Các khách hàng khác	292.691.323.620	276.292.695.925
<b>Cộng</b>	<b>406.087.989.207</b>	<b>357.484.466.331</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	106.409.161.170	128.954.620.468
Chi phí sửa chữa tài sản	15.744.275.969	27.112.193.880
Trích trước chi phí dự án Nghiền xi măng đóng bao	8.005.700.399	59.943.238.400
Chi phí điện năng	30.335.353.015	35.837.405.905
Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí xây dựng cơ bản mỏ Ngà Voi	-	11.576.363.636
Trích trước phí An sinh xã hội và giải quyết chế độ cho người lao động	-	12.724.700.000
Chi phí thuê đất	3.876.688.300	7.287.280.000
Trích trước các khoản liên quan đến bán hàng	26.202.247.005	3.105.057.954
Chi phí phải trả khác	130.275.271.885	75.883.582.788
<b>Cộng</b>	<b>340.264.678.774</b>	<b>381.840.424.062</b>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>	<b>2.154.710.279</b>	<b>4.296.663.882</b>
Dự phòng phải trả tiền bảo hành sản phẩm	2.154.710.279	1.175.393.447
Dự phòng tiền thuê đất phải trả	-	2.465.480.935
Các khoản dự phòng khác	-	655.789.500
<b>Dự phòng phải trả dài hạn</b>	<b>85.591.495.310</b>	<b>75.231.045.347</b>
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường	85.591.495.310	75.231.045.347
<b>Cộng</b>	<b>87.746.205.589</b>	<b>79.527.709.229</b>



**TÔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>784.127.026.134</b>	<b>629.665.006.656</b>
Phí bảo lãnh và lãi vay phải trả (*)	674.049.456.244	526.641.112.903
Quỹ ủng hộ công tác xã hội và từ thiện nhân đạo	9.206.551.719	7.600.812.189
Cổ tức phải trả	12.822.428.477	18.331.244.961
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	7.440.265.735	5.497.258.107
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	80.608.323.959	71.594.578.496
<b>Dài hạn</b>	<b>170.674.452.166</b>	<b>297.939.972.045</b>
Lãi vay Quỹ tích lũy Bộ Tài chính (*)	121.450.727.546	133.095.246.142
Lãi vay và phí cho vay lại Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (*)	15.397.105.739	13.088.662.746
Lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN NHPT Khu vực Đông Bắc (*)	23.684.991.142	107.554.103.955
Lãi vay ngân hàng đồng tài trợ phải trả	3.883.790.401	39.474.985.224
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	6.257.837.338	4.726.973.978
<b>Cộng</b>	<b>954.801.478.300</b>	<b>927.604.978.701</b>

(\*): Là các khoản lãi vay và chi phí tín dụng khác liên quan đến các khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, trong đó số dư quá hạn thanh toán tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 534.274.313.562 đồng.

Số dư chi phí lãi vay và chi phí tín dụng phải trả nêu trên không bao gồm các khoản lãi phạt chậm trả (trên lãi và gốc vay) tính đến thời điểm ngày 31/12/2015 là 74,5 tỷ đồng phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (hiện nay đổi tên thành Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN NHPT Khu vực Đông Bắc). Vicem Hạ Long không ghi nhận các khoản lãi phạt này trong năm tài chính 2015 và 2016 căn cứ theo Biên bản làm việc giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh và Công ty ngày 31/12/2015, trong đó thống nhất việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh sẽ trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam xóa toàn bộ tiền lãi phạt trên lãi chậm trả và lãi phạt trên gốc quá hạn tính đến ngày 31/12/2015.

Cũng căn cứ theo các hợp đồng tín dụng đã được ký kết, lịch trả nợ ban đầu của các khoản vay này là từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 12 năm 2015. Vicem Hạ Long đã làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh về việc tái cơ cấu các khoản nợ vay này và theo Văn bản số 3924/NHPT-TĐĐT ngày 20/12/2016 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã chấp thuận việc gia hạn thời gian vay vốn từ 13 năm 3 tháng thành 20 năm và các khoản nợ gốc vay và lãi vay sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ mới từ năm 2016 đến tháng 02 năm 2023. Cũng theo văn bản này, đối với các khoản lãi phạt chậm trả (trên lãi và gốc vay) tính đến ngày 31/12/2015 là 74,5 tỷ đồng, Ban Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam đang trình Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam để xem xét, phê duyệt việc xóa nợ. Trong trường hợp không được xóa nợ, Vicem Hạ Long sẽ phải hoàn trả các khoản lãi phạt này trong tháng 02 năm 2023.

Ngoài ra, trong năm 2017, Vicem Hạ Long đã ghi giảm trừ chi phí tài chính đối với các khoản phạt chậm trả phí bảo lãnh của khoản vay từ Ngân hàng Natixis, phạt chậm trả gốc vay và lãi của khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính, phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay của khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với tổng số tiền là 6.353.164 EUR lũy kế đến thời điểm ngày 31/08/2017 (tương đương với 173 tỷ đồng). Đồng thời, Vicem Hạ Long cũng không ghi nhận các khoản phạt chậm trả gốc, lãi và phí vay (nếu có) phát sinh từ các khoản vay nêu trên và chi phí lãi vay cho khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính kể từ ngày 01/09/2017.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vicem Hạ Long đã phân loại số dư lãi vay, phí cho vay của các khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với giá trị lần lượt là 4.575.449,35 EUR (khoảng 121,45 tỷ đồng) và 466.203,83 EUR (khoảng 12,37 tỷ đồng) từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục phải trả dài hạn khác (tại ngày 01/01/2021 là 4.575.449,35 EUR và 336.096,4 EUR).

Cơ sở của cách thức hạch toán này được dựa trên Văn bản số 205/BXD-KHTC ngày 25/12/2017 của Bộ Xây dựng gửi tới Bộ Tài chính về kế hoạch góp vốn và trả nợ các khoản vay Dự án Xi măng Hạ Long và Văn bản số 5336/BTC-QLN ngày 09/05/2018 của Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình vay nợ và đề xuất phương án tái cơ cấu các khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, cũng như kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu nợ của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>225.559.245.296</b>	<b>225.559.245.296</b>	<b>318.227.660.237</b>	<b>318.227.660.237</b>
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	91.623.639.844	91.623.639.844	135.712.266.444	135.712.266.444
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	89.025.609.719	89.025.609.719	121.661.839.690	121.661.839.690
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	39.790.617.978	39.790.617.978	51.822.762.891	51.822.762.891
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.810.488.955	4.810.488.955	5.550.186.612	5.550.186.612
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	308.888.800	308.888.800	3.480.604.600	3.480.604.600
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>3.322.532.674.604</b>	<b>3.322.532.674.604</b>	<b>3.400.432.640.753</b>	<b>3.400.432.640.753</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	199.925.628.815	199.925.628.815	68.373.191.766	68.373.191.766
Công ty TNHH Xuất khẩu Nam Phương	22.959.298.141	22.959.298.141	84.730.563.658	84.730.563.658
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama)	70.978.253.139	70.978.253.139	93.351.394.498	93.351.394.498
Công ty Cổ phần Thương mại Khoáng sản Hải Bình	137.441.560.652	137.441.560.652	26.762.766.823	26.762.766.823
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	67.203.404.010	67.203.404.010	68.884.364.584	68.884.364.584
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	49.841.011.095	49.841.011.095	19.903.386.160	19.903.386.160
Công ty Cổ phần Thiết bị nặng Junjin Việt nam	48.480.273.822	48.480.273.822	48.601.797.639	48.601.797.639
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	-	-	54.144.597.762	54.144.597.762
Công ty Cổ phần Đức Việt 568	23.859.836.600	23.859.836.600	27.393.835.256	27.393.835.256
Công ty Loesche GmbH	36.756.179.145	36.756.179.145	37.027.560.275	37.027.560.275
Phải trả nhà cung cấp khác	2.665.087.229.185	2.665.087.229.185	2.871.259.182.332	2.871.259.182.332
<b>Cộng</b>	<b>3.548.091.919.900</b>	<b>3.548.091.919.900</b>	<b>3.718.660.300.990</b>	<b>3.718.660.300.990</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm	Điều chỉnh	Số đã nộp trong năm	31/12/2021	
	Số phải thu	Số phải nộp				Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.182.884.993	38.961.652.578	642.783.616.140	-	655.617.135.057	501.723.296	18.446.971.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.206.210.630	78.087.771.069	265.062.063.090	-	262.098.731.682	8.532.180.693	75.377.072.540
Lợi nhuận phải nộp ngân sách Nhà nước	-	119.252.172.058	648.264.298.407	-	591.820.091.361	-	175.696.379.104
Thuế xuất, nhập khẩu	124.223.977	-	60.953.277.733	-	62.020.188.332	1.191.134.576	-
Thuế thu nhập cá nhân	303.347.027	8.911.637.537	68.925.700.502	-	58.665.919.875	832.767.530	19.700.838.667
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	94.437.697	4.353.698.001	103.418.751.487	-	104.448.213.964	3.510.720.080	6.740.517.907
Thuế tài nguyên	-	29.382.413.665	209.752.604.435	-	209.846.857.537	-	29.288.160.563
Phí bảo vệ môi trường	59.504.711	14.297.121.615	109.772.442.452	-	109.528.197.385	59.504.711	14.541.366.683
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	4.652.063.549	9.637.892.475	99.094.390.885	(4.652.063.549)	95.715.003.021	-	13.017.280.339
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	26.119.596	9.038.596.825	23.055.846.319	-	31.818.978.174	26.119.596	275.464.970
<b>Cộng</b>	<b>27.648.792.180</b>	<b>311.922.955.823</b>	<b>2.231.082.991.451</b>	<b>(4.652.063.549)</b>	<b>2.181.579.316.388</b>	<b>14.654.150.482</b>	<b>353.084.052.737</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****24. VAY NGẮN, DÀI HẠN**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>8.873.191.805.148</b>	<b>8.873.191.805.148</b>	<b>19.684.697.529.567</b>	<b>21.519.985.852.072</b>	<b>7.037.903.482.643</b>	<b>7.037.903.482.643</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.767.233.120.579	5.767.233.120.579	18.982.616.789.850	20.210.237.449.638	4.539.612.460.791	4.539.612.460.791
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	1.001.024.044.611	1.001.024.044.611	1.600.000.000	28.199.189.264	974.424.855.347	974.424.855.347
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	1.447.207.468.923	1.447.207.468.923	505.219.027.991	1.183.865.080.166	768.561.416.748	768.561.416.748
Vay dài hạn đến hạn trả các đối tượng khác	657.202.171.035	657.202.171.035	195.217.961.726	97.159.133.004	755.260.999.757	755.260.999.757
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	525.000.000	525.000.000	43.750.000	525.000.000	43.750.000	43.750.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.825.551.535.906</b>	<b>1.825.551.535.906</b>	<b>35.566.711.458</b>	<b>759.066.491.228</b>	<b>1.102.051.756.136</b>	<b>1.102.051.756.136</b>
Vay dài hạn ngân hàng	864.300.417.951	864.300.417.951	35.414.374.000	535.143.862.201	364.570.929.750	364.570.929.750
Vay dài hạn các đối tượng khác	961.207.367.955	961.207.367.955	152.337.458	223.878.879.027	737.480.826.386	737.480.826.386
Nợ thuê tài chính dài hạn	43.750.000	43.750.000	-	43.750.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.698.743.341.054</b>	<b>10.698.743.341.054</b>	<b>19.720.264.241.025</b>	<b>22.279.052.343.300</b>	<b>8.139.955.238.779</b>	<b>8.139.955.238.779</b>

**24.1 Chi tiết số dư vay ngắn, dài hạn theo từng đối tác tại ngày 31/12/2021**

Vay ngắn hạn các ngân hàng	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hoàng Thạch</b>	<b>173.031.347.593</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương	101.166.184.043	VND	4% - 4,5%	Kỳ hạn trả gốc: tùy khoản vay 5 hoặc 6 tháng	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	71.865.163.550	VND	4% - 4,5%	Kỳ hạn trả gốc: tùy khoản vay 6 tháng	Có
<b>Vicem Tam Điệp</b>	<b>403.769.519.438</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tam Điệp	154.274.363.468	VND	6,3%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 23/12/2022	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tam Điệp	98.120.712.554	VND	6,3%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 27/10/2022	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	151.374.443.416	VND	6,3%	Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 27/10/2022	Có



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hà Tiên</b>	<b>1.611.128.051.741</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	540.762.493.883	VND	3,5% - 4,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	229.501.585.000	VND	4,2%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	77.411.331.342	VND	4,2%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Phan Đình Phùng	159.613.262.589	VND	4,0%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng Maybank - CN Hồ Chí Minh	58.697.552.727	VND	2,6%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	154.321.332.071	USD	3,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	59.882.126.290	VND	3,9%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Trung Quốc (Hong Kong) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	330.938.367.839	VND	3,2% - 4,1%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
<b>Vicem Bim Sơn</b>	<b>335.085.624.147</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	269.888.740.034	VND	4,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn	16.803.366.305	VND	4,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Có
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	48.393.517.808	VND	3,8%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 6 tháng	Tín chấp
<b>Vicem Bút Sơn</b>	<b>638.226.933.623</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	456.095.522.403	VND	5,5% - 6%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tùy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	59.616.990.303	VND	5,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tùy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	122.514.420.917	VND	5% - 5,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: tùy khoản vay từ 4 đến 6 tháng	Có
<b>Vicem Hoàng Mai</b>	<b>163.694.333.814</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Nghệ An	10.000.000.000	VND	4,2%	Thời hạn duy trì hạn mức đến 26/08/2022	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn	90.522.365.206	VND	4,2%	Thời hạn duy trì hạn mức đến 30/11/2022	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	63.171.968.608	VND	4,5%	Thời hạn duy trì hạn mức đến 31/12/2022	Có



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay ngắn hạn các ngân hàng (tiếp theo)	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Vân</b>	<b>91.961.579.409</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình	55.569.746.001	VND	5,1%	Thời gian duy trì hạn mức tới hết ngày 27/12/2022	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	36.391.833.408	VND	5,5%	Thời gian duy trì hạn mức tới hết ngày 22/02/2022	Có
<b>Vicem Sông Thao</b>	<b>180.575.789.315</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Phú Thọ	13.091.308.730	VND	6,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	56.865.810.749	VND	6,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 165 ngày	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	14.728.132.019	VND	6,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 165 ngày	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	95.890.537.817	VND	5,7%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 5 tháng	Có
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>672.729.504.461</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	342.175.885.616	VND	6,5% - 7,2%	Kỳ hạn trả gốc: 5,5 tháng đến 6,5 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	330.553.618.845	VND	6,5% - 7,5%	Kỳ hạn trả gốc: 5,5 tháng đến 6,5 tháng	Có
<b>Vicem E&amp;E</b>	<b>200.000.000.000</b>				
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	131.500.000.000	VND	5% - 5,3%	Thời hạn theo từng khế ước cụ thể	Có
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	63.500.000.000	VND	5% - 5,3%	Kỳ hạn trả nợ gốc: không quá 5 tháng	Có
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	5.000.000.000	VND	5,0%	Thời hạn theo từng khế ước cụ thể	Có
<b>Thạch cao Xi măng</b>	<b>19.409.777.250</b>				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	19.409.777.250	VND	6,0%	Thời gian cấp hạn mức đến hết ngày 25/05/2022	Có
<b>Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long</b>	<b>50.000.000.000</b>				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 5	50.000.000.000	VND	5,8% - 6,5%	Kỳ hạn trả nợ gốc: 6 tháng	Có
<b>Cộng</b>	<b>4.539.612.460.791</b>				

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay ngắn hạn đối tượng khác	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>960.009.156.984</b>				
Tổng công ty Sông Đà (*)	960.009.156.984	VND	0%	Khoản vay hết hạn từ 31/12/2016	Có
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</b>	<b>14.415.698.363</b>				
Vay cá nhân (Nguyễn Thị Lâm)	12.815.698.363	VND	5,5%	Không có kỳ hạn trả nợ gốc	Tin chấp
Vay cá nhân (Vũ Thị Hải Yến)	800.000.000	VND	5%	Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn vào ngày 01/12/2022	Tin chấp
Vay cá nhân (Cao Thị Trang)	800.000.000	VND	Không có lãi suất	Kỳ hạn vay không quá 6 tháng, đáo hạn vào ngày 01/05/2022	Tin chấp
<b>Cộng</b>	<b>974.424.855.347</b>				

(\*): Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD/TCTSD-XMHL ("Hợp đồng số 01"), toàn bộ khoản vay này sẽ được hoàn trả vào ngày 31/12/2016. Căn cứ văn bản số 89/TTr-BXD ngày 14/10/2015 của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Tổng công ty Xi măng Việt Nam - công ty mẹ của Công ty đã gửi Văn bản số 1239/VICEM-KTTC&NV ngày 21/06/2016 ("Văn bản 1239") tới Tổng công ty Sông Đà đề nghị điều chỉnh Hợp đồng số 01 này theo các nội dung như sau: Về thời hạn trả nợ: Không trả nợ gốc năm 2016, từ năm 2017 sẽ trả nợ gốc trong vòng 10 năm; Về lãi suất vay: lãi suất của khoản vay trong toàn bộ thời gian trả nợ gốc là 0%/năm.

Ngày 22/12/2017, Tổng công ty Sông Đà đã có ý kiến trả lời Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2031/TCT-TCKT. Theo đó, Tổng công ty Sông Đà đã đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Tổng công ty Sông Đà sẽ thực hiện cơ cấu khoản nợ này khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chưa có ý kiến trả lời chính thức về vấn đề này. Trong khi chờ phê duyệt chính thức từ các cơ quan quản lý Nhà nước, Công ty này không ghi nhận các khoản chi phí lãi vay đối với khoản vay từ Tổng công ty Sông Đà từ ngày 01/01/2016.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>	<b>1.082.874.800</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.082.874.800	VND	7,9%	60 tháng	Có
<b>Vicem Bim Sơn</b>	<b>10.150.000.000</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	10.150.000.000	VND	7,5%	72 tháng	Có
<b>Vicem Bút Sơn</b>	<b>5.000.000.000</b>				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nam	5.000.000.000	VND	9% - 9,16%	Thời hạn vay 8 năm	Có
<b>Vicem Hải Vân</b>	<b>5.000.000.000</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình	5.000.000.000	VND	7,9%	12 năm kể từ ngày 17/12/2015	Có
<b>Vicem Sông Thao</b>	<b>3.198.882.945</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	3.198.882.945	VND	9,1%	5 năm	Có
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>679.698.800.000</b>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN NHPT Khu vực Đông Bắc	543.908.800.000	VND	5,4% - 6,6%	20 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 02/2023	Có
Ngân hàng Thương mại đồng tài trợ (BIDV, Viettinbank, Vietcombank, Agribank)	122.590.000.000	VND	8,6%	17 năm 6 tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 04/2024	Có
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	13.200.000.000	VND	10,2% - 10,9%	15 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2024	Có
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</b>	<b>64.430.859.003</b>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	17.050.859.003	VND	9,5%	Từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2018.	Có
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	45.400.000.000	VND	11,0%	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến 25 tháng 3 năm 2021	Có
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng	1.980.000.000	VND	11,0%	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2013 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021	Có
<b>Cộng</b>	<b>768.561.416.748</b>				

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hạ Long</b>					
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	23.317.786.828	USD	Lãi suất trong năm 0,4% - 0,47%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn 25 năm, kì trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2034	Có
Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB)	174.981.137.722	EUR	Lãi suất trong năm 1%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn vay 19 năm, kì trả nợ cuối cùng vào tháng 09/2024	Có
Quỹ tích lũy Bộ Tài chính (*)	556.962.075.207	EUR	4,29%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Gốc được thanh toán theo lịch trả nợ đến hết năm 2023	Có
<b>Cộng</b>	<b>755.260.999.757</b>				
Vay dài hạn các ngân hàng	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>					
Ngân hàng TMCP Á Châu	3.519.343.100	VND	7,9%	Thời hạn vay 5 năm	Có
<b>Vicem Bim Sơn</b>					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa	19.800.000.000	VND	7,5%	Thời hạn vay 6 năm	Có
<b>Vicem Bút Sơn</b>					
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nam	14.510.409.457	VND	9% - 9,16%	Thời hạn vay 8 năm	Có
<b>Vicem Hải Vân</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình	28.400.000.000	VND	7,9%	12 năm kể từ ngày 17/12/2015	Có
<b>Vicem Sông Thao</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	2.400.000.000	VND	9,1%	Thời hạn vay 5 năm	Có
<b>Vicem Hạ Long</b>					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Khu vực Đông Bắc	71.158.603.166	VND	5,4% - 6,6%	20 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 02/2023	Có
Ngân hàng Thương mại đồng tài trợ (BIDV, Viettinbank, Vietcombank, Agribank)	198.375.308.699	VND	8,6%	17 năm 6 tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 04/2024	Có
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	26.407.265.328	VND	10,2% - 10,9%	15 năm, kỳ trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2024	Có
<b>Cộng</b>	<b>364.570.929.750</b>				



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Vay dài hạn các đối tượng khác	Số dư tại 31/12/2021	Nguyên tệ	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vicem Hải Phòng</b>	<b>595.000.000</b>				
Ban LLHT và Hội đồng nghiệp công ty 3	595.000.000	VND	8,5%	Không có	Tín chấp
<b>Vicem Hạ Long</b>	<b>722.885.826.386</b>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	558.740.516.975	USD	Lãi suất trong năm 0,4% - 0,47%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn 25 năm, kì trả nợ cuối cùng vào tháng	Có
Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB)	109.363.212.669	EUR	Lãi suất trong năm 1%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Thời hạn 19 năm, kì trả nợ cuối cùng vào tháng 09/2024	Có
Quỹ tích lũy Bộ Tài chính (*)	54.782.096.742	EUR	4,3%	Hợp đồng vay thông qua Tổng công ty Sông Đà. Gốc được thanh toán theo lịch trả nợ đến hết năm 2023	Có
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung</b>	<b>14.000.000.000</b>				
Bà Vũ Thị Hải Yến	14.000.000.000	VND	Không có lãi suất	Khoản vay đáo hạn vào ngày 23/7/2023	Tín chấp
<b>Cộng</b>	<b>737.480.826.386</b>				

(\*): Căn cứ Văn bản số 5336/BTC-QLN ngày 09/05/2018, Vicem Hạ Long không ghi nhận chi phí lãi vay của khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính thông qua Tổng công ty Sông Đà từ ngày 01/09/2017. Ngoài ra, cũng căn cứ theo văn bản này, tại ngày 31/12/2021 Vicem Hạ Long đã phân loại lại số dư gốc vay của các khoản vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu với giá trị lần lượt là 2.063.822,21 EUR (khoảng 54,78 tỷ đồng) và 4.120.072,81 EUR (khoảng 109,36 tỷ đồng) từ khoản mục vay ngắn hạn sang khoản mục vay dài hạn (tại ngày 01/01/2021 lần lượt là 6.563.822,21 EUR và 5.768.101,91 EUR).

**24.2 Nợ thuê tài chính**

Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01007/2018/TSC-CTTC ngày 26/01/2018. Giá trị tài sản cho thuê là xe ô tô trị giá 2.581.180.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Kể từ ngày lãi suất hết hiệu lực, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Bên cho thuê tài chính cộng 2,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung hạn của ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày tài sản được bàn giao. Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng là việc Bên thuê chuyển cho Bên cho thuê tài chính số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09 - DN/HN

**24.3 Các khoản vay quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	960.009.156.984	971.009.156.984
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	-	17.199.189.264
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN NHPT KV Đông Bắc	259.454.400.000	60.000.000.000
Các khoản vay thông qua Tổng Công ty Sông Đà	568.749.928.500	477.362.658.225
- Khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	-	12.559.534.713
- Khoản vay Quỹ tích lũy Bộ Tài chính	437.514.075.208	368.924.086.532
- Khoản vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB)	131.235.853.292	95.879.036.980
<b>Cộng</b>	<b>1.788.213.485.484</b>	<b>1.525.571.004.473</b>

Các khoản vay trên được Vicem Hạ Long xác định là quá hạn căn cứ theo phương án tái cơ cấu các khoản vay của Công ty này được Bộ Tài chính đề xuất tại Văn bản 5336.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN/HN****25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>15.033.985.412.409</b>	<b>968.871.033.008</b>	<b>(323.971.984.350)</b>	<b>686.364.020.193</b>	<b>1.978.737.860.380</b>	<b>527.240.174.927</b>	<b>2.542.302.373.278</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.282.401.669.980	119.025.612.904
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	391.650.611.886	(391.650.611.886)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(289.920.039.461)	(50.193.501.278)
Điều chuyển quỹ	-	(57.120.487.311)	-	-	57.120.487.311	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(107.454.770.756)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	145.614.350.000	-	-	-	(145.614.350.000)	-
Nộp lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	(528.252.172.058)	-
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(99.462.808)	93.438.688	(377.636.877)
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>15.033.985.412.409</b>	<b>1.057.364.895.697</b>	<b>(323.971.984.350)</b>	<b>686.364.020.193</b>	<b>2.427.409.496.769</b>	<b>454.298.110.190</b>	<b>2.503.302.077.271</b>
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	100.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.038.904.583.274	133.878.231.562
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	328.243.371.941	(328.243.371.941)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(274.425.270.656)	(45.173.752.652)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(113.240.556.145)
Nộp lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	(648.264.298.407)	-
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	268.591.452	(1.767.598.539)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>15.033.985.412.409</b>	<b>1.057.364.895.697</b>	<b>(323.971.984.350)</b>	<b>686.364.020.193</b>	<b>2.755.652.868.710</b>	<b>242.538.343.912</b>	<b>2.477.098.401.497</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ		
USD	6.156.493,07	708.065,79
EUR	1.716	1.784
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	6.610.521.803	6.610.521.803

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hầu hết hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>27.772.009.553.574</b>	<b>28.029.993.269.125</b>
Doanh thu bán xi măng	23.612.827.767.904	24.642.135.387.535
Doanh thu bán clinker	3.669.514.098.476	2.981.670.405.586
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	489.667.687.194	406.187.476.004
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>852.099.528.411</b>	<b>927.732.117.228</b>
Chiết khấu thương mại	852.060.219.774	927.696.028.158
Hàng bán bị trả lại	39.308.637	36.089.070
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>26.919.910.025.163</b>	<b>27.102.261.151.897</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	9.042.168.386	99.705.014.423
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	7.323.593.152	7.686.675.717
Công ty Xi măng Chínfon	-	285.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	139.334.898	212.748.019
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	218.427.593	473.644.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	320.265.356	316.071.435
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	3.669.668.338	4.295.252.174

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán xi măng	19.418.005.756.925	19.702.112.272.481
Giá vốn bán clinker	3.473.798.448.891	2.780.294.677.286
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	401.693.872.452	358.372.520.765
<b>Cộng</b>	<b>23.293.498.078.268</b>	<b>22.840.779.470.532</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.709.795.812	112.727.300.613
Lãi chênh lệch tỷ giá	127.022.973.750	9.537.713.712
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.310.778.373	3.611.191.800
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.366.871.867	888.819.859
<b>Cộng</b>	<b>244.410.419.802</b>	<b>126.765.025.984</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	423.237.357.297	628.883.369.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.583.840.129	118.015.365.865
Chiết khấu thanh toán	41.249.138.497	37.910.565.007
Hoàn nhập/ Dự phòng đầu tư tài chính	(19.096.678.678)	2.890.745.995
Chi phí tài chính khác	11.270.177.568	11.828.999.882
<b>Cộng</b>	<b>461.243.834.813</b>	<b>799.529.046.196</b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.012.189.914.111</b>	<b>1.084.915.811.370</b>
Chi phí nhân viên	242.628.270.630	218.369.213.621
Chi phí bốc xúc, vận chuyển	415.450.800.278	454.328.466.494
Chi phí khuyến mại	60.507.274.252	65.112.740.997
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	50.273.889.255	54.810.631.373
Chi phí hội nghị	28.926.266.559	55.023.734.048
Chi phí bán hàng khác	214.403.413.137	237.271.024.837
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.188.102.264.182</b>	<b>1.307.318.147.966</b>
Chi phí nhân viên	607.841.266.242	578.351.733.686
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	38.500.379.528	36.807.226.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.012.214.971	53.314.874.536
Thuế, phí và lệ phí	62.969.429.116	85.506.230.662
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	17.009.380.432	10.637.731.176
Chi phí tiếp khách, hội nghị	72.306.495.885	158.607.227.140
Chi phí khác	340.463.098.008	384.093.124.468
<b>Cộng</b>	<b>2.200.292.178.293</b>	<b>2.392.233.959.336</b>
<b>Trong đó:</b>		
Thu nhập của Ban kiểm soát	830.246.600	956.564.000

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	15.973.589.887	7.436.093.393
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	1.279.161.822	3.536.102.604
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	4.792.049.175	9.335.775.374
Bồi thường tổn thất	10.364.136.025	820.578.888
Thu nhập từ tiêu thụ bùn, cát thải	24.395.324.641	3.761.668.966
Thu nhập khác	28.799.169.964	27.860.999.462
<b>Cộng</b>	<b>85.603.431.514</b>	<b>52.751.218.687</b>

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	13.542.459.907	16.156.056.666
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	98.180.853
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang còn lại của dự án	20.051.232.129	87.446.193
Chi phí liên quan đến mỏ Khả Phong	3.505.793.095	5.556.663.067
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	2.173.177.289	574.222.390
Chi phí tài trợ	-	14.069.933.636
Chi phí khác	28.548.987.161	30.956.231.685
<b>Cộng</b>	<b>67.821.649.581</b>	<b>67.498.734.490</b>

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH****35.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	57.729.002.612	54.006.934.383
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	18.827.318.118	3.270.070.109
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	3.710.813.623	1.277.149.994
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	93.123.113.586	160.443.030.649
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	33.099.501.220	20.328.028.743
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	12.397.446.682	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	17.051.140.121	17.136.814.375
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	338.447.874	754.503.713
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	4.007.738.446	1.030.890.724
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	4.187.118.028	6.396.157.814
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	973.585.657	2.345.034.537
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	1.732.892.395	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	56.844.306	83.926.371
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải và TMDV Hải Phòng	166.503.452	162.564.224
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	302.328.114	207.746.902
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	4.055.672.865	6.367.462.889
Viện Công nghệ Xi măng	704.375	2.610.798
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	-	33.642.257
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	13.188.622.817	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	113.268.799	147.598.531
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>265.062.063.090</b>	<b>273.994.167.013</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃU SỐ B09 - DN/HN****35.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>		<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>	
	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>19.421.167.133</b>	<b>18.733.600.626</b>	<b>(687.566.507)</b>	<b>(2.044.469.147)</b>
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ lãi bán hàng nội bộ Tổng công ty	3.904.720.523	4.308.293.255	403.572.732	(1.879.064.069)
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ lãi bán tài sản nội bộ Tổng công ty	5.117.040.638	5.843.121.420	726.080.782	580.413.404
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của chi phí phải trả	10.369.566.080	8.577.600.000	(1.791.966.080)	(755.600.001)
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	4.311.636	4.585.951	274.315	(2.471.884)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ khác	25.528.256	-	(25.528.256)	12.253.403
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>693.791.181.079</b>	<b>731.556.611.959</b>	<b>(37.765.430.880)</b>	<b>(34.454.215.680)</b>
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	8.016.949.463	24.351.837.125	(16.334.887.662)	(16.771.577.596)
Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	685.774.231.616	707.204.774.834	(21.430.543.218)	(17.682.638.084)
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm</b>			<b>(38.452.997.387)</b>	<b>(36.498.684.827)</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35.3 Lỗ từ năm trước chuyển sang**

Tổng công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ ngày phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các đơn vị thành viên của Tổng công ty có khoản lỗ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai là 924.203.084.453 đồng. Chi tiết như sau:

Đơn vị	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31/12/2021	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020
	VND	VND
Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam	774.923.129.551	1.100.441.957.222
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	139.500.958.080	182.287.986.583
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	6.559.685.991	6.559.685.991
Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ	3.219.310.831	3.942.285.412
<b>Cộng</b>	<b>924.203.084.453</b>	<b>1.293.231.915.208</b>

Tổng công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại tại ngày 31/12/2021 do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên doanh
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết

*Trong năm, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:*

Mua hàng	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	111.493.494.480	117.518.978.741
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	110.399.922.543	188.637.836.940
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	145.003.684.541	148.698.642.534
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	64.221.821.447	86.795.013.894
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	371.708.000	5.678.554.680



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ tức đã nhận</b>		
Công ty Xi măng Nghi Sơn	79.293.900.000	56.740.950.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	142.477.522.971	189.464.367.885
Công ty Xi măng Chínfon	37.327.400.000	33.934.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	10.983.450.000	10.983.450.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	1.180.360.000	1.180.360.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	1.440.366.200	1.440.366.200
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	1.489.600.000	1.862.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	568.448.000	682.137.600
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	2.154.808.050	-

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng giám đốc**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc	4.158.728.300	4.956.304.213

**Số dư với các bên liên quan:****Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	-	236.859.700
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	-	30.089.150

**37. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG****Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 486,15 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM, Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy.

Ngoài ra, Tổng công ty và các đơn vị thành viên cùng có các khoản cam kết phải trả trong tương lai theo các hợp đồng mua nguyên vật liệu như than cám, thạch cao, quặng và các chất phụ gia phục vụ cho hoạt động sản xuất clinker và xi măng.

**Chi phí cải tạo phục hồi môi trường**

Theo các quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh về việc phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường cho Dự án Khai thác mỏ đá vôi, mỏ sét mà các công ty con của Tổng công ty được cấp giấy phép khai thác, các công ty con có các cam kết liên quan đến việc ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021.

**Nghĩa vụ tiềm tàng về thuế tài nguyên**

Các công ty con là công ty sản xuất xi măng của Tổng công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty con của Tổng công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý Nhà nước về cách xác định chi phí chế biến và qua đó, để xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Các công ty con của Tổng công ty đang thực hiện nộp thuế tài nguyên theo đơn giá tính thuế do UBND tỉnh ban hành. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung (nếu có).

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán trong đó một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày lại để đảm bảo khả năng so sánh thông tin với số liệu tại ngày 31/12/2021, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước trình bày lại VND	Giá trị ảnh hưởng VND	Số trình bày lại VND
Hàng tồn kho	140	3.225.756.144.513	579.547.994	3.226.335.692.507
Hàng tồn kho	141	3.374.761.984.733	7.698.343.091	3.382.460.327.824
Trong đó:				
- Hàng đang đi trên đường		9.811.776.897	-	9.811.776.897
- Nguyên liệu, vật liệu		1.464.833.536.116	(290.484.876)	1.464.543.051.240
- Công cụ, dụng cụ		231.091.300.877	(9.654.147.282)	221.437.153.595
- Vật tư và phụ tùng, linh kiện thay thế		234.492.303.459	-	234.492.303.459
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		595.407.505.317	-	595.407.505.317
- Thành phẩm		562.726.394.417	203.208.629	562.929.603.046
- Vật tư, công cụ dụng cụ và thiết bị phụ tùng chờ thanh lý		-	17.439.766.620	17.439.766.620
- Bất động sản để bán		87.454.454.864	-	87.454.454.864
- Hàng hoá		159.221.538.804	-	159.221.538.804
- Hàng gửi bán		29.723.173.982	-	29.723.173.982
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(149.005.840.220)	(7.118.795.097)	(156.124.635.317)
Tài sản dài hạn khác	260	1.294.350.623.644	(579.547.994)	1.293.771.075.650
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	367.259.362.486	(579.547.994)	366.679.814.492

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Tuấn

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh

